

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24- 9-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng

Bà Trần Thanh Hoài Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 5 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy L - sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Tổ 17 ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Phan Thị Như T - sinh năm: 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 21 ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 3 tháng 6 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Duy L trình bày:

Vào năm 2015, anh Nguyễn Duy L và chị Phan Thị Như T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 56 quyền số I/2015 ngày 28 tháng 9 năm 2015.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống. Vì vậy, hai vợ chồng chung sống nhưng không mang lại hạnh phúc

và ly thân nhau từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì hai bên có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn. Nay, anh L xác định hai bên không thể quay về đoàn tụ và tình cảm dành cho nhau cũng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T .

Về con chung: Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Duy L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phan Thị Như T :

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi cư trú thể hiện chị T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ anh L cung cấp nhưng thường đi làm vắng nhà nên không lấy được ý kiến của chị T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Phan Thị Như T hiện nay có nơi sinh sống, làm việc tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phan Thị Như T đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị T .

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Duy L và chị Phan Thị Như T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh L xác định hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống và cuộc sống chung với gia đình chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ đó, chung sống nhưng không mang lại hạnh phúc mà chỉ gây đau khổ cho nhau. Vì vậy, chị T về bên gia đình cha mẹ ruột ở xã L sinh sống và hai vợ chồng ly thân

từ tháng 3/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai người ai chỉ biết bồn phần của người đó, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T đến tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên quay về đoàn tụ nhưng chị T không đến, bỏ mặc anh L muốn làm gì thì làm điều đó cho thấy chị T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai người. Tòa án tiến hành xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng trước đây chung sống thì được biết vợ chồng không sống chung với nhau là có thật, còn nguyên nhân như thế nào thì địa phương không rõ.

Xét, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện, khi một bên không còn tình cảm gắn bó, không có thiện chí để hàn gắn, đoàn tụ thì không thể xây dựng gia đình hạnh phúc và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L.

[2.2] **Về con chung:** Anh L xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Duy L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Phan Thị Như T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Nguyễn Duy L được ly hôn với chị Phan Thị Như T .

2. *Về nuôi con chung:* Không có, không xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Nguyễn Duy L xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Duy L phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2017/0009958 ngày 3 tháng 6 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

